

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/5/2018
V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị TThảo

Các Hội thẩm:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Lý Thị Kim Ngân

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lư Ngọc Thiên An – KSV

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Kim V**, sinh năm 1987

Trú tại: Xã NT, thành phố BT, tỉnh BT

Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1980

Trú tại: Xã NT, thành phố BT, tỉnh BT

(Chị V có mặt, anh T yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa:

Theo nguyên đơn chị Phan Thị Kim V trình bày:

Hôn nhân giữa chị V và anh Phạm Văn T diễn ra là do mai mối và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2011, đến ngày 18/8/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT, tỉnh BT. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T cờ bạc, đá gà, không lo làm ăn, chị V đi làm

nhưng không biết chạy xe nên mỗi ngày phải nhờ anh T đưa đón, tuy nhiên anh T thường xuyên đi chơi không đi rước chị V về, thời gian sau này thì mỗi lần tan giờ làm chị V điện thoại kêu anh Trước về thì anh T kêu chị V đưa tiền mới rước nên dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn xảy ra chị V và anh T không tự giải quyết được, cũng không tìm ra được phương pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị V đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 12/2013 và anh T chỉ điện thoại một lần kêu chị V về nhưng chị V không chịu về rồi từ đó đến nay anh T cũng không đến và không điện thoại nữa. Chị V và anh T đã ly thân đến nay được 5 năm. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị V khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn Phạm Văn T trình bày:

Anh Phạm Văn T vắng mặt nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2018 như sau:

Về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị V trình bày là đúng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên đi làm ăn xa lúc về nhà thì chị V đã bỏ về nhà cha mẹ ruột lúc nào không biết. Anh T có gọi điện thoại kêu chị V nhưng chị V không chịu về nên anh T và chị V đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị V xin ly hôn anh T đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc làm ăn nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh T và anh T cam kết sẽ không khiếu nại gì về sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc chấp hành đúng pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ Điều 51, 56, 81, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ kiện xin ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[2] *Về tố tụng:* Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2018 anh Phạm Văn T có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh Thanh. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Văn T.

[3] Về hôn nhân: Chị V và anh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT, tỉnh BT vào ngày 18/8/2011 nên được công nhận

là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa chị V cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T cờ bạc, đá gà, không lo làm ăn, chị V đi làm nhưng không biết chạy xe nên mỗi ngày phải nhờ anh T đưa đón, tuy nhiên anh T thường xuyên đi chơi không đi rước chị V về, thời gian sau này thì mỗi lần tan giờ làm chị V điện thoại kêu anh T rước về thì anh T kêu chị V đưa tiền mới rước nên dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị V vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh T. Theo biên bản lấy lời khai thì anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đi làm ăn xa lúc về nhà thì chị V đã bỏ về nhà cha mẹ ruột lúc nào không biết. Anh T có gọi điện thoại kêu chị V nhưng chị V không chịu về. Chị V cũng thừa nhận từ khi chị về nhà mẹ ruột vào tháng 12/2013 đến nay thì anh T có gọi điện thoại cho chị V một lần duy nhất kêu chị V về nhưng chị V không đồng ý, rồi từ đó về sau anh T không có gọi điện cũng như không có đến nhà mẹ ruột chị V lần nào.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh T thực tế có xảy ra, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai bên. Tại phiên Tòa hôm nay chị V xác định không còn tình cảm với anh T, vì chị V và anh T đã ly thân đến nay khoảng năm năm, nên chị V xin được ly hôn với anh T và anh T cũng đồng ý ly hôn với chị V nên chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị V phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Kim V đối với anh Phạm Văn T.

Chị Phan Thị Kim V được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị Phan Thị Kim V phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ

thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015440 ngày 21/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chị Phan Thị Kim V đã nộp xong án phí hôn nhân.

Chị Phan Thị Kim V có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

<i>Nơi nhận:</i> - VKSND thành phố Bến Tre (1b); - TAND tỉnh Bến Tre (1b); - Chi cục THADS TP Bến Tre (1b); - UBND xã NT; - Các đương sự (2b); - Lưu HS, VP (2b).	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA Nguyễn Thị TThảo
--	---